

Tuần 33

Chính tả

1. Điền những tiếng có nghĩa ứng với các ô trống dưới đây :

a)

| | a | am | an | ang |
|-----------|-----------------------------------|-----------|-----------|------------|
| tr | M : trà, trả (lời), | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| ch | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

b)

| | d | ch | nh | th |
|------------|------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| iêu | M : diều (diều hành), | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|-----------|-------|-------|-------|-------|
| iu | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

2. Tìm nhanh và viết :

a)

| | |
|---|---|
| <p>- Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm tr .</p> | <p>M : <i>tròn trịa</i>,</p> <p>.....</p> <p>.....</p> |
| <p>- Các từ láy trong đó tiếng nào cũng bắt đầu bằng âm ch.</p> | <p>M : <i>chông chênh</i>,</p> <p>.....</p> <p>.....</p> |

b)

| | |
|--|---|
| <p>- Các từ láy trong đó tiếng nào cũng có vần iêu.</p> | <p>M : <i>liêu xiêu</i>,</p> <p>.....</p> <p>.....</p> |
| <p>- Các từ láy trong đó tiếng nào cũng có vần iu.</p> | <p>M : <i>lầu rầu</i>,</p> <p>.....</p> <p>.....</p> |

Luyện từ và câu

MỞ RỘNG VỐN TỪ : LẠC QUAN - YÊU ĐỜI

1. Trong mỗi câu dưới đây, từ **lạc quan** được dùng với nghĩa nào ? Em hãy trả lời bằng cách đánh dấu × vào ô thích hợp.

| Câu | Luôn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp | Có triển vọng tốt đẹp |
|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Tình hình đội tuyển rất lạc quan. | | |
| Chú ấy sống rất lạc quan. | | |
| Lạc quan là liều thuốc bổ. | | |

2. Xếp các từ có tiếng **lạc** cho trong ngoặc đơn thành hai nhóm :

(*lạc quan, lạc hậu, lạc điệu, lạc đế, lạc thú*)

a) Những từ trong đó **lạc** có nghĩa là "vui, mừng" .

.....

b) Những từ trong đó **lạc** có nghĩa là "rớt lại, sai" .

.....

3. Xếp các từ có tiếng **quan** cho trong ngoặc đơn thành ba nhóm :

(*lạc quan, quan quân, quan hệ, quan tâm*)

a) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "quan lại" .

.....

b) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "nhìn, xem" .

.....

c) Những từ trong đó **quan** có nghĩa là "liên hệ, gắn bó" .

.....

4. Các câu tục ngữ sau khuyên người ta điều gì ?

a) Sông có khúc,
người có lúc.

- Nghĩa đen :

.....

- Lời khuyên :

.....

b) Kiến tha lâu
cũng đầy tổ.

- Nghĩa đen :
.....
- Lời khuyên :
.....

Tập làm văn

MIÊU TẢ CON VẬT

(Chuẩn bị cho bài kiểm tra viết)

Hãy chọn viết theo một trong bốn đề bài gợi ý sau :

1. Tả một con vật nuôi trong nhà.
2. Tả một con vật nuôi ở vườn thú.
3. Tả một con vật em chợt gặp trên đường.
4. Tả một con vật lần đầu tiên em thấy trên hoạ báo hay trên truyền hình, phim ảnh.

Bài làm
(Đề số.....)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ MỤC ĐÍCH CHO CÂU

1. Gạch dưới bộ phận trạng ngữ chỉ mục đích trong những câu sau :
 - a) Để tiêm phòng dịch cho trẻ em, tỉnh đã cử nhiều đội y tế về các bản.
 - b) Vì Tổ quốc, thiếu niên sẵn sàng !
 - c) Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.
2. Điền vào chỗ trống các trạng ngữ thích hợp chỉ mục đích :
 - a), xã em vừa đào một con mương.
 - b), chúng em quyết tâm học tập và rèn luyện thật tốt.
 - c), em phải năng tập thể dục.
3. Thêm chủ ngữ, vị ngữ vào chỗ trống để có các câu hoàn chỉnh
 - a) Vì sao chuột thường gặm các vật cứng ? Không giống với răng người và răng nhiều loài vật khác, răng của chuột mỗi ngày một

mọc dài ra, cho đến khi chuột chết mới thôi. Nếu răng cú mọc dài mãi như vậy, dĩ nhiên là rất vướng víu. **Để mài cho răng mòn đi,**

b) Vì sao lợn thường lấy mồm dũi đất lên ? Chúng ta biết rằng các giống lợn nuôi hiện nay đều có nguồn gốc từ lợn rừng. Mũi và mồm lợn rừng rất dài, xương mũi rất cứng. **Để tìm thức ăn,**

Thói quen dũi đất của lợn nhà bắt nguồn từ cách tìm kiếm thức ăn của lợn rừng.

Tập làm văn

ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN

1. Em cùng mẹ ra bưu điện gửi tiền về quê biếu bà. Hãy giúp mẹ điền những điều cần thiết vào mẫu *Thư chuyển tiền* dưới đây :




Mặt trước thư :

| | | | |
|---|---|--|--|
| <p>N.21 T.C.T BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</p> <p>THƯ CHUYỂN TIỀN</p> <p><i>Phần thư phát cho người nhận Số</i></p> <p>Họ và tên địa chỉ người nhận : Ông, bà, cô :</p> | <p>*** Bưu điện Việt Nam ***</p> | <p>N.21 TỔNG CÔNG TÍ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VN</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>THƯ CHUYỂN TIỀN</p> <p>Ngày gửi : N.29..... N.24.....</p> <p>Họ tên và địa chỉ người gửi : Ông, bà, cô :</p> <p>Số tiền gửi (viết toàn chữ) :</p> <p>Người nhận : Ông, bà, cô :</p> <p>Trưởng bưu cục <i>Kí duyệt</i></p> | <p>Gửi N.26 huy SVD Ngày TBT DBT</p> <p>Ô dành cho nhân viên bưu điện viết</p> <p>.....</p> <p>Số/..... Ngày</p> |
|---|---|--|--|

2. Theo em, khi nhận được tiền kèm theo thư chuyển tiền này, người nhận cần viết những gì vào bức thư để trả lại bưu điện ?

(Gợi ý : Em cần đọc mặt sau của thư chuyển tiền để trả lời đúng câu hỏi)

Mặt sau thư :

| | | | |
|---|--|--|------------------------------------|
| Lý do và dấu nhật ấn chuyển hối |  | *** Bưu điện Việt Nam *** | Phần dành riêng để viết thư |
| Số thứ tự ghi vào bản kê thư chuyển tiền đã trả | Căn cước của người nhận hay người làm chứng : | | |
| Nhật ấn ngày nhận thư chuyển tiền  | Trả tiền tại Ngày tháng năm 200... Người làm chứng Đã nhận đủ tiền đ <i>Kí tên</i> <i>Kí tên (1)</i> | | |
| Nhật ấn ngày trả tiền  | Họ, tên, người lĩnh và người làm chứng : (1) Khi lĩnh tiền, người lĩnh ghi rõ nơi, ngày tháng năm lĩnh tiền và họ tên, địa chỉ hiện tại của mình, rồi kí tên đồng thời kiểm tra tiền lĩnh được với số ghi ở mặt trước thư chuyển tiền này. | | |